

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/DS-ST
Ngày: 12/02/2026
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thanh
Ông Nguyễn Phú Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp.

Vào ngày 12/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 430/2025/TLST-DS ngày 12/12/2025 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-DS ngày 06/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-DS ngày 26/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T (T)

Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần - Chức vụ: Giám đốc Xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 0221/2023/QĐ-HĐQT ngày 31/3/2023 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng T về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng)

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần : Ông Lê Thanh T, sinh năm 1989 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 1309-04/2025/GUQ-TCB ngày 14/7/2025)

Địa chỉ: TP. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Trương Đình D, sinh năm 1977

2. Bà Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn: Ngân hàng T (T), ủy quyền cho ông Lê Thanh T trình bày:*

Ngày 13/3/2024, T ký kết với ông Trương Đình D và bà Trần Thị Thanh Th Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số DTP2024CFAL12302751/HDTD, vay số tiền 714.700.000 đồng, mục đích vay vốn: vay mua ô tô, thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; ngày nhận nợ: 13/3/2024; Áp dụng lãi suất trong kỳ hạn vay như sau (i) Giai đoạn 01: lãi suất cố định là 8,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ, (ii) Giai đoạn còn lại: áp dụng lãi suất vay thả nổi trong thời gian còn lại của thời hạn vay kể từ sau ngày kết thúc giai đoạn 01 và được xác định bằng lãi suất cơ sở chuẩn dài hạn cộng biên độ 5,00%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được T quy định theo từng thời kỳ, tương ứng từng đối tượng khách hàng. Lãi suất vay thả nổi được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần vào các ngày 15 hàng tháng theo thông báo của T từng thời kỳ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trương Đình D và bà Trần Thị Thanh Th đã không thực hiện trả nợ theo đúng cam kết tại Hợp đồng tín dụng (cụ thể từ ngày 31/10/2024 thì ông D, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho T, quá hạn 469 ngày). Dư nợ của ông Trương Đình D và bà Trần Thị Thanh Th tại T tạm tính đến ngày xét xử 12/02/2026 như sau:

- Nợ gốc: 684.927.054 đồng;
- Nợ lãi: 134.568.088 đồng;
- Tổng nợ: 819.495.142 đồng.

Nay Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trương Đình D và bà Trần Thị Thanh Th thanh toán cho T số tiền tổng cộng: 819.495.142 đồng (lãi suất tạm tính đến ngày 12/02/2026) và nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng như đã nêu trên kể từ ngày sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết nợ. Không yêu cầu xem xét hợp đồng thế chấp.

* Đối với bị đơn ông Trương Đình D, bà Trần Thị Thanh Th đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn có địa chỉ tại phường Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án

nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Trương Đình D, bà Trần Thị Thanh Th đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét Hợp đồng tín dụng số DTP2024CFAL12302751/HDTD ngày 13/3/2024 giữa Ngân hàng với ông Trương Đình D, bà Trần Thị Thanh Th được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015 nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ khoản tiền cho ông D, bà Th; nhưng ông D, bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 31/10/2024, nên Ngân hàng yêu cầu ông D, bà Th trả số tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông D, bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa vẫn vắng mặt.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Từ phân tích trên, căn cứ quy định tại khoản 2, 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông D, bà Th phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày xét xử tổng cộng là 819.495.142 đồng là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Án lệ 08/2016/AL và khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016, Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023, Thông tư số 21/VBHN-NHNN ngày 16/7/2024 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định nên chấp nhận.

[3.2] Đối với Hợp đồng thế chấp, theo nguyên đơn trình bày, ông D, bà Th có ký hợp đồng thế chấp xe ô tô, tuy nhiên, ở giai đoạn thi hành án, nếu ông D, bà Th không thanh toán dứt nợ thì Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh tài sản của ông D, bà Th để thi hành án, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về Hợp đồng thế chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Do ông D, bà Th phải trả cho Ngân hàng số tiền 819.495.142 đồng nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông D, bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.584.800 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Điều 117, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Án lệ 08/2016/AL và khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016, Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023, Thông tư số 21/VBHN-NHNN ngày 16/7/2024 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng T (T).

2/ Buộc ông Trương Đình D, bà Trần Thị Thanh Th có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng T số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng số DTP2024CFAL12302751/HDTD ngày 13/3/2024 là: 819.495.142 đồng (tám trăm mười chín triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi hai đồng) (gồm: Nợ gốc: 684.927.054 đồng; Nợ lãi: 134.568.088 đồng).

3/ Ông Trương Đình D, bà Trần Thị Thanh Th có nghĩa vụ tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số DTP2024CFAL12302751/HDTD ngày 13/3/2024 đã ký với Ngân hàng đến khi thanh toán dứt nợ.

4/ Về án phí: Ông Trương Đình D, bà Trần Thị Thanh Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.584.800 đồng.

Ngân hàng T không phải chịu án phí và được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.232.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009305 ngày 28/11/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV6;
- Tòa án Tỉnh;
- Đương sự;
- THADS tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Hồng